

Con số GNP 3 năm 1991 - 1993 của Việt Nam được công bố tăng trưởng bình quân 7,2% tuy đáng phấn khởi nhưng vẫn còn buộc một số nhà kinh tế VN thật sự băn khoăn. Liệu sự tăng trưởng đó có thật sự vững chắc cho đến năm 2.000 và những năm kế tiếp không?

Tiến trình đổi mới nền kinh tế nước ta từ cơ chế kế hoạch hóa mang tính chất chỉ huy sang cơ chế thị trường tuy nói là "có sự quản lý nhà nước" nhưng khi mà sự quản lý đó chưa có kinh nghiệm, còn lờng lẻo thì nền kinh tế theo cơ chế thị trường của chúng ta gần như là một "thị trường tự do".

Từ thực tiễn, chúng ta có thể nhận dạng ra những vấn đề "đáng lo ngại" cho sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế chúng ta:

1. Về phương diện quản lý kinh tế vĩ mô, chúng ta chưa có một chiến lược thị trường rõ rệt để xác định cụ thể các bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế, để thiết lập các chính sách kinh tế, tài chính nhất quán theo các mục tiêu định sẵn.

Cho đến nay, Ủy ban kế hoạch với vai trò là "người nhạc trưởng" vẫn còn lúng túng trong việc xác định lại chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương thức hoạt động kế hoạch hóa tầm vĩ mô. Chính vì thế sẽ không có gì đáng ngạc nhiên khi các công cụ quản lý vĩ mô vẫn còn được sử dụng một cách rời rạc và cũng lúng túng theo. Biểu hiện rõ nét nhất là: chế độ kiểm soát mậu dịch quốc tế, chế độ thuế khóa, chế độ lãi suất, chế độ ưu đãi đầu tư, chế độ hối suất, chế độ tín dụng....

2. Nền kinh tế Việt Nam tuy đang tăng trưởng nhưng tính chất phát triển với khía cạnh hiệu quả sử dụng tài nguyên thì gần như chưa có cơ quan nào đưa ra được con số đo lường cụ thể.

Làm sao tính toán được hiệu quả kinh tế của toàn bộ nền kinh tế khi mà mức tỷ suất lợi nhuận ở từng doanh nghiệp được biết đến bằng "con số ảo"? Trong khi đó, nền kinh tế luôn bị các "cú sốc" với những cơn khủng hoảng thiếu và thừa nối tiếp nhau trên một số thị trường hàng hóa vật tư chiến lược như: sắt thép, phân bón, xi măng....

Hẳn không ít người ngạc nhiên tại sao những mặt hàng nhập khẩu này - kể cả vàng 9999 - lại có nhiều lúc có hiện tượng giá nội địa thấp hơn cả giá quốc tế? Phải chăng do nền kinh tế chúng ta có quá nhiều doanh nghiệp nắm giữ một số vốn quá bé nhỏ ở từng đơn vị, không đủ để đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ tiên tiến trị giá hàng vài triệu đô la, nhưng lại thừa vài trăm ngàn đô la để đổ xô tham gia nhập khẩu theo phương thức chạy theo từng thương vụ trên từng mặt hàng? Sự tập trung vốn của hàng loạt doanh

ngiệp theo từng đợt như thế, đã trở thành một con số có ý nghĩa đủ để nhập khẩu vượt khỏi số cầu của nền kinh tế trong đoàn kỳ, cùng lúc một số mặt hàng khác bị cảnh bỏ rơi và trở nên khan hiếm.

Đây mới chỉ là một trong những hiện tượng gây lãng phí nguồn lực tài chính của nền kinh tế vì vòng chu chuyển vốn của xã hội bị chậm lại trong các đợt khủng hoảng thừa tạm thời - nhưng liên tiếp diễn ra từ mặt hàng này sang mặt hàng khác.

3. Môi trường kinh doanh còn quá nhiều yếu tố rủi ro - bất trắc, gây nản lòng các nhà đầu tư trong nước.

Nhiều doanh nghiệp buộc phải phân tán đồng vốn vào nhiều mặt hàng "kinh doanh tổng hợp" để làm ăn xối tung thương vụ, hạn chế rủi ro. Nếu chuyên môn hóa một vài ngành sẽ rất dễ gặp bế tắc thị trường. Vì lẽ, thị trường trong nước còn nhỏ hẹp, sức mua yếu, lại thường xuyên bị xâm chiếm bởi hàng ngoại nhập bằng nhiều con đường chính ngạch, tiểu ngạch... Đồng thời, thị trường nước ngoài lại còn quá mới mẻ, bấp bênh.

Mặt khác, tình trạng thiếu thông tin cũng gây rủi ro lớn cho các nhà đầu tư chẳng hạn như thông số tổng công suất từng ngành, từng nhóm mặt hàng đã đủ đáp ứng số cầu thị trường trong nước hay chưa? Thật khó có ai biết rõ số này để quyết định đầu tư - ngay cả những đơn vị trong ngành cũng ngại đầu tư mở rộng hoặc đầu tư chiều sâu để nâng cao sản lượng với quy mô lớn tạo điều kiện hạ giá thành và cải tiến kỹ thuật nâng cao chất lượng sản phẩm. Cộng thêm vào đó, cơ quan cấp giấy phép đầu tư, cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp lẽ ra phải đóng vai trò điều tiết số cung ngay từ những dự án đầu tư này lại tỏ ra khá dễ dãi để rồi xảy ra nhiều mặt hàng được đổ xô đầu tư tràn lan. Tình trạng cạnh tranh, vốn đã gay gắt vì hàng ngoại, lại càng gay gắt vì có quá nhiều nhà sản xuất trong nước cùng tham gia. Mặt hàng "mì gói ăn liền" là một điển hình.

Tất nhiên, nếu cứ để cho cơ chế thị trường tự điều chỉnh bằng bàn tay vô hình, đẩy một số doanh nghiệp thua lỗ, phá sản cũng sẽ lập lại thế cân bằng cung cầu. Nhưng như thế, nền kinh tế sẽ phải trải qua một quá trình tập trung, dẫn đến độc quyền một cách tự phát, hiệu quả kinh tế toàn xã hội sẽ không cao.

Chúng ta muốn phát triển nhanh, muốn rút ngắn "thời kỳ hóa rồng", chúng ta không thể để mặc cho thị trường tự do điều tiết tuần tự như thế.

Đặc biệt là hệ thống pháp luật điều chỉnh các hành vi kinh doanh theo quan hệ cơ chế thị trường chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Người ta thường nói luật của chúng ta còn thiếu và chưa đồng bộ. Nhưng vấn đề quan

TĂNG TRƯỞNG

VÀ

PHÁT TRIỂN

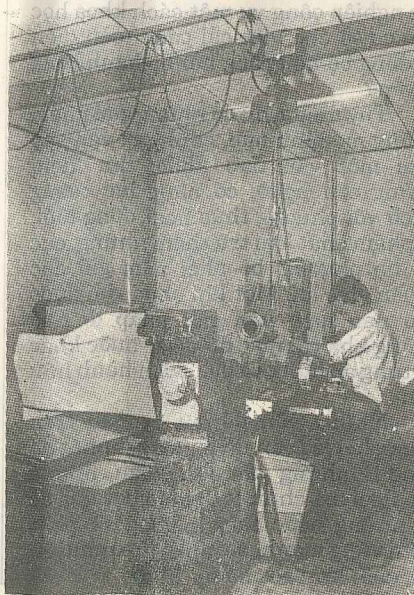
NHỮNG

VẤN ĐỀ

CẦN

VƯỢT QUA

TRẦN TÔ TỬ



trọng hơn ở chỗ luật còn quá nhiều kẽ hở cho tiêu cực nảy sinh, làm giàu bất chính - việc kiểm tra thi hành luật còn buông lỏng, sự vi phạm luật chưa được xử lý nghiêm minh. Những nhà kinh doanh chân chính - cả giám đốc doanh nghiệp nhà nước và tư nhân - nếu chấp hành đúng luật thì không thể nào tồn tại trước những đối thủ cạnh tranh được một số viên chức nhà nước "về đường hưu chạy".

Trong một môi trường kinh doanh như thế, nhiều nhà đầu tư không thể nào và cũng không muốn vạch ra một chiến lược phát triển dài hạn, đưa doanh nghiệp đi vào những hoạt động sản xuất một cách có căn cứ. Họ buộc phải chọn con đường "đánh quả" theo từng thương vụ và theo đuổi nhau đầu cơ hết vàng, đổ la lại đến địa ốc.

4. Vấn đề đổi mới cơ chế quản lý tuy đã đạt được một bước ngoặt đưa nền kinh tế đi vào cơ chế thị trường một cách "êm dịu". Song, sự chuyển đổi cơ chế vẫn chưa đồng bộ khiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Những gì có thể được gọi là "đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và hành chính nhà nước" cho thấy vẫn còn nặng về khía cạnh ban hành các văn bản pháp quy, chưa chú trọng đổi mới bộ máy tổ chức và con người thực hiện trong một thể thống nhất của cơ chế: khung luật pháp - bộ máy vận hành và con người trong guồng máy.

Nhà nước cũng đã có chủ trương cải cách hành chính, tái cấu trúc bộ máy công vụ, nhưng vẫn còn chậm chạp và lúng túng. Những nỗ lực trong việc này xem ra mới chỉ dừng lại chuyện "tách - nhập" giữa các Bộ và Sở, Ban ngành. Phải chăng chúng ta đang thiếu những người có kỹ năng phân tích quản trị (Management Analysis) để tái thiết kế các quy trình tác nghiệp công vụ một cách khoa học làm cơ sở cho việc cải cách toàn diện và đồng bộ hệ thống hành chính công quyền?

Tuy nhiên, dù có những giải pháp, những mô hình mới, chúng ta vẫn vấp phải một vấn nạn khác: tìm kiếm những con người có năng lực tương thích với phương thức hoạt động mới, có phẩm chất loại trừ tham nhũng, cục bộ địa phương, bè phái nắm giữ đặc quyền, đặc lợi. Một khi chưa giải được vấn nạn này, mọi giải pháp đều sẽ không khả thi mặc dù ở các nước khác đã từng áp dụng và đang vận hành hữu hiệu.

Những vấn đề đặt ra nêu trên chưa phải là toàn diện. Song ít nhất đó cũng là những vấn đề cơ bản, những cản ngại mà chúng ta phải vượt qua để có những bước tăng trưởng và phát triển vững mạnh, để kịp đi theo chuyển tàu cuối lao vào thế kỷ 21 ♣

ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM THỰC TRẠNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

NGUYỄN THƯỢNG MINH

I. THỰC TRẠNG

1. Tính đến 30.10.1993 cả nước đã được cấp 779 giấy phép (GP) các loại (trong số này có 72 giấy phép của Bộ KTDN cũ), với tổng vốn đầu tư (TVĐT) khoảng 6 tỷ 720 USD. Quá trình hoạt động đã thu hồi, hết hạn giải thể 115 GP. Hiện còn hiệu lực 664 GP với tổng vốn đầu tư 6 tỷ 064 USD (trong số này có 24 GP về đầu khí với tổng vốn đầu tư 1 tỷ 145 USD).

Riêng 10 tháng đầu năm 93, Ủy Ban Hợp tác và Đầu tư (SCCI) đã cấp 202 GP các loại với tổng vốn đầu tư khoảng 1 tỷ 845 USD.

Điển hình ở một số địa phương như:

- TP.HCM	: 80 GP	TVĐT	882,3 triệu USD
- Hà Nội	: 32 GP	TVĐT	506 triệu USD
- Đồng Nai	: 24 GP	TVĐT	87 triệu USD
- Vũng Tàu	: 05 GP		
- Quảng Nam Đà Nẵng	: 08 GP		

2. Ở TP.HCM, tính đến 30.10.1993:

- Tổng số giấy phép đã được cấp:	329 GP		
- Thu hồi; giải thể, hết hạn:	49 GP		
- Hiện còn hiệu lực:	280 GP		
- Tổng vốn đầu tư:			2,238 tỷ USD
- Vốn pháp định:			1,291 tỷ USD
- Việt Nam góp:			310 triệu USD
- Nước ngoài góp:			976 triệu USD.

a. Phân theo hình thức đầu tư:

- Liên doanh	212 GP: TVĐT 1 tỷ 648 USD chiếm 73,8%/TVĐT
- Hợp tác kinh doanh:	18 GP: TVĐT 193 triệu USD chiếm 8,4%/TVĐT
- 100% vốn NN	50 GP: TVĐT 397 triệu USD chiếm 17,8%/TVĐT.

b. Phân theo năm cấp giấy phép:

Năm 1988	06 GP:	TVĐT	17 triệu USD
Năm 1989	14 GP:	TVĐT	155 triệu USD
Năm 1990	33 GP:	TVĐT	278 triệu USD
Năm 1991	64 GP:	TVĐT	396 triệu USD
Năm 1992	83 GP:	TVĐT	508 triệu USD
Năm 1993 (10 tháng)	80 GP:	TVĐT	882,3 triệu USD

c. Phân theo ngành kinh tế kỹ thuật

- Công nghiệp	177 GP: VĐT	766 triệu USD; tỉ lệ (TL)	34,2%
- Xây dựng	08 GP: VDT	352 triệu USD; TL	15,7%
- Nông nghiệp	06 GP: VDT	70 triệu USD; TL	3,15%
- GTVT	16 GP: VDT	58 triệu USD; TL	2,6%
- TT liên lạc	04 GP: VDT	93 triệu USD; TL	4,1%
- Thương nghiệp	03 GP: VDT	29 triệu USD; TL	1,3%
- Nhà ở, KS, DL	54 GP: VDT	705 triệu USD; TL	31,5%
- Khoa học	01 GP: VDT	0,3 triệu USD; TL	0,01%
- Giáo dục ĐT	01 GP: VDT	1 triệu USD; TL	0,04%
- Y tế, BHXH, TĐTT	03 GP: VDT	72 triệu USD; TL	3,2%
- TC, Tín dụng	07 GP: VDT	95 triệu USD; TL	4,2%

d. Phân theo cấp quản lý:

Thuộc Trung ương	114 GP: TVĐT	599,7 triệu USD.
Liên doanh	102 GP: TVĐT	431 triệu USD
HTKD	06 GP: TVĐT	92 triệu USD
100% Vốn nhà nước	44 GP: TVĐT	321 triệu USD

e. Phân theo thời hạn hoạt động

- Dưới 10 năm:	25 GP
- Từ 10 năm đến 20 năm:	227 GP
- Từ 20 năm đến 30 năm:	21 GP